TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến;

2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, *tỉnh Bình Định tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 842/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 983/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 9, thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Lê Quang H, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 170 N1, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Trước khi cưới, chị và anh Lê Quang H quen nhau tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng bốn năm. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 6 năm 2016 tại Uỷ ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại số 170 N1, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, thường xuyên đi câu cá, sống phụ thuộc vào vợ và gia đình dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Thời gian chị mới sinh con không đi làm được nên không có tiền nuôi con, vợ chồng thường xuyên kình cãi nhau. Tuy nhiên chị vẫn chịu đựng để nuôi con và chị đã nhiều lần khuyên anh H lo làm ăn để lo cho gia đình nhưng anh H vẫn không thay đổi, vợ chồng kình cãi nhau nhiều hơn. Đến tháng 3 năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn nên chị về nhà cha mẹ chị ở tại đội 9, thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định cho đến nay. Từ đó đến nay vợ chồng không gặp nhau lần nào, anh H cũng chưa lần nào gọi điện chị hỏi thăm con. Chị xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng có một người con chung gồm: Lê Nguyễn Diễm Q, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2016. Từ khi chị về nhà cha mẹ chị ở tháng 3 năm 2019 đến nay thì cháu Q ở với chị, do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không hỗ trợ tiền để nuôi con. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Diễm Q, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Lê Quang H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng:

Hoạt động tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N. Giao người con chung tên Lê Nguyễn Diễm Q, sinh ngày 29 tháng

10 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Lê Quang H cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì chị Nguyễn Thị N không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Lê Quang H có địa chỉ cư trú tại số 170 N1, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Quang H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh Lê Quang H không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Chị N và anh H đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 6 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị N và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai không có biện pháp hàn gắn tình cảm mà tự chấm dứt cuộc sống chung trong thời gian từ năm 2019 đến nay. Mặc dù biết chị N yêu cầu ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không tham gia tố tụng. Điều này chứng tỏ anh H có thái độ bỏ mặc, không tha thiết hàn gắn tình cảm để xây dựng lại mái ấm gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về quan hệ con chung: Chị N và anh H có một người con chung tên Lê

Nguyễn Diễm Q, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2016. Hiện nay cháu Q đang ở với chị N và được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị N và anh H không sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Q và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị N là có căn cứ chấp nhận.

[6] Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 1 Điều 96, Điều 97, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Quang H.

2. Giao con chung tên Lê Nguyễn Diễm Q, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Quang H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005720 ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A (CNKH số 71 ngày 16/6/2016);
- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh